

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2021/DS-PT

Ngày: 13- 4 -2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất và hợp đồng đặt cọc.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Bà Dương Thúy Hằng;

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 3 và ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, và hợp đồng đặt cọc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2020/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 38/2021/QĐPT-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp TĐ2, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn H, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, là người đại diện theo ủy quyền của bà Ph. (Văn bản ủy quyền ngày 08-6-2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp NH, xã BN, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Chị Vũ Thị Thanh Ng, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp NH, xã BN, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh

Người đại diện theo ủy quyền chị Ng: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp NH, xã BN, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, (Văn bản ủy quyền ngày 14-9-2020), có mặt.

3. Bà Phan Kim L, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp PH, xã SĐ, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Nguyễn Thị Ph

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Ông là anh ruột của bà Nguyễn Thị Ph. Cuối năm 2009 ông nhận chuyển nhượng của bà Ph phần đất diện tích khoảng 5 công gồm 2 mảnh tách biệt với số tiền 50.000.000 đồng. Ông giao tiền cho bà Ph tại nhà ông, là anh em trong gia đình ông không lập biên nhận giấy tờ. Các phần đất của bà Ph có 02 giấy đất, 01 giấy đất diện tích 3.890 m² bà Ph đang thế chấp Ngân hàng nên chỉ đưa cho ông bản phô tô, giấy đất còn lại bà Ph thế chấp cho bà Có để vay tiền vì vậy ông không biết cụ thể diện tích bao nhiêu nên chỉ ước lượng diện tích 02 mảnh đất khoảng 5 công để ghi vào hợp đồng. Hai bên thỏa thuận nếu diện tích theo giấy đất cao hơn diện tích hai bên ước lượng thì ông trả tiền thêm cho bà Ph. Do bà Ph không giao giấy đất cho ông để thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng đất do đó ông yêu cầu bà Ph phải làm giấy tay mua bán đất, hai bên lập Bản hợp đồng về việc mua bán đất ngày 30-02-2010 âm lịch, bà Ph đọc cho con ông viết và bà Ph ký tên, con ông – chị Nguyễn Thị Bích Nh mang giấy tay về cho ông ký tên ghi họ tên. Sau khi mua đất bà Ph giao đất cho ông, ông ban bờ ra để sử dụng trồng mía. Mỗi năm ông đều yêu cầu bà Ph sang tên quyền sử dụng đất cho ông nhưng bà Ph nói để từ từ lấy giấy đất đang thế chấp trong Ngân hàng ra để sang tên nhưng bà Ph không thực hiện. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà Ph sang tên quyền sử dụng đất cho ông diện tích sau khi đo đạc thực tế là 6.448,4m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4 (thửa cũ là 1600, 1664, 1665 tờ bản đồ số 1 diện tích 6.150 m²) tọa lạc tại xã PH2, Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh. Ông có trách nhiệm trả cho bà Ph giá trị quyền sử dụng đất tương đương diện tích 1.448,4 m² là 289.680.000 đồng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Ph và người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, ông Trần Văn H trình bày:

Nguồn gốc đất hiện nay ông L và bà Ph đang tranh chấp có nguồn gốc như sau: Diện tích 2.260 m² có nguồn gốc của mẹ ruột bà Ph tặng cho, diện tích 3.890 m² bà Ph nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn S. Từ khi nhận tặng cho, nhận chuyển nhượng thì bà Ph không trực tiếp sản xuất, trồng trọt mà cho người khác thuê trong đó có anh Mến, anh 6 H1. Năm 2010 bà Ph kẹt tiền muốn bán đất, 01 phần đất ở ấp PL1 và 01 phần đất ở xã PH2 hiện nay đang tranh chấp. Đầu tiên ông L đồng ý mua phần đất ruộng nên hai bên có lập hợp đồng để ghi nhớ nên bà Ph ký tên vào Bản hợp đồng về việc mua bán đất, khi ký tên không ghi ngày tháng năm. Do đất khoan giếng không có nước tưới không sản xuất được nên ông L không đồng ý mua nữa mà nói muốn mua phần đất thổ cư. Vì anh em trong gia đình nên bà Ph không lấy lại giấy tay mua bán này hơn nữa giấy tay mua bán đất sơ sài không công chứng chứng thực nên không cần thiết phải lấy lại. Năm 2018 bà Ph cho ông L thuê 10.000.000 đồng/ha/năm, cách nay khoảng mấy tháng thì bà Ph có dẫn người đến xem đất để bán thì mới phát hiện ông L đã cày phá bỏ hết bờ để trồng mía. Việc thuê đất không lập hợp đồng mà chỉ thỏa thuận miệng, thời hạn thuê là 04 năm kể từ năm 2018, ông L chưa giao tiền thuê đất cho bà Ph. Bà Ph không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông L.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn S: Đầu năm 2020 bà Ph chuyển nhượng 02 thửa đất này cho vợ chồng anh Nguyễn Văn S với số tiền 1.070.000.000 đồng, anh S đã giao cho bà số tiền 700.000.000 đồng nhưng do ông L tranh chấp nên đến nay vẫn chưa thực hiện thủ tục sang tên cho anh S. Bà Ph không đồng ý trả tiền cọc 200.000.000 đồng do anh S vi phạm hợp đồng, ngày 16-4-2020 khi anh S giao thêm số tiền 500.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng lấy Giấy đất ra thì anh S không chịu ký hợp đồng chuyển nhượng, đến ngày 24-4-2020 Tòa án mới thụ lý tranh chấp giữa ông L và bà Ph, nay bà Ph vẫn đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho anh S. Trường hợp Tòa án lưu thông hợp đồng giữa bà Ph và ông L thì bà Ph đồng ý trả cho anh S 500.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền cọc và phạt cọc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phan Kim L trình bày: Bà là vợ của ông L, bà thống nhất ý kiến của ông L.

Anh Nguyễn Văn S – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị Thanh Ng trình bày:

Bà Ph có chuyển nhượng cho anh quyền sử dụng đất diện tích theo trích lục sơ đồ là 6.500 m² tọa lạc tại xã PH2, Huyện DMC với giá là 1.070.000.000

đồng. Khi chuyển nhượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) bà Ph đang thế chấp Ngân hàng Nam Á để vay số tiền 500.000.000 đồng. Anh có đưa tiền cọc cho bà Ph 200.000.000 đồng có làm giấy nhận cọc mua bán đất ngày 01-4-2020, bà Ph ký tên. Bà Ph yêu cầu anh đưa thêm số tiền 500.000.000 đồng để bà Ph trả tiền Ngân hàng lấy Giấy đất ra để sang tên cho anh. Ngày 16-4-2020 anh đưa bà Ph 500.000.000 đồng để trả tiền Ngân hàng, bà Ph nhận tiền và ký tên. Tổng cộng anh giao cho bà Ph số tiền 700.000.000 đồng. Khi bà Ph lấy giấy đất ra xong thì dự định ra Văn phòng công chứng để ký tên chuyển nhượng nhưng do Giấy đất cũ phải đo đạc, chỉnh lý mới thực hiện thủ tục sang tên được. Khi tiến hành đo đạc thì anh mới biết đất bà Ph đã bán cho ông L. Nay anh yêu cầu bà Ph tiếp tục thực hiện hợp đồng, sang tên quyền sử dụng đất cho anh diện tích sau khi đo đạc thực tế là 6.448,4m² thuộc một phần thửa 154, tờ bản đồ số 4. Nếu Tòa án lưu thông hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Ph và ông L thì anh yêu cầu bà Ph trả cho anh 900.000.000 đồng, trong đó tiền anh đã trả cho bà Ph 700.000.000 đồng và tiền phạt cọc 200.000.000 đồng.

Tại Bản bản dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21-01-2020 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Căn cứ Điều 697, 701, 702 Bộ luật dân sự 2005; Điều 328 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166 Luật đất đai 2013, Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành L đối với bà Nguyễn Thị Ph về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Cho lưu thông Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Bản Hợp đồng về việc mua bán đất lập ngày 30-02-2010 âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Ph đối với các thửa đất:

- Diện tích 4.188,4m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:

- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H;
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H.

- Diện tích 2.260 m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:

- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;

+ Tây giáp đất đường xe. (Bản đồ 299)

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng)

Ông Nguyễn Thành L, bà Phan Kim L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 289.680.000 (hai trăm tám mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

Ông L, bà L có trách nhiệm L hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo diện tích, tứ cận nêu trên.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng đặt cọc”

Buộc bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn S, chị Vũ Thị Thanh Ng số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phạt cọc 200.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn S.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn văn S đối với yêu cầu phạt cọc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 02-11-2021, bà Nguyễn Thị Ph có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh S mất cọc với số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện bà Nguyễn Thị Ph rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc buộc anh S mất cọc số tiền 200.000.000 đồng.

Đại diện Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Kim L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận cụ thể như sau:

Cho lưu thông Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Bản Hợp đồng về việc mua bán đất lập ngày 30-02-2010 âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Ph đối với các thửa đất:

- Diện tích 4.188,4 m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:

+ Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H;

- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H.
 - Diện tích 2.260 m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:
- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Tây giáp đất đường xe. (Bản đồ 299)

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng)

Ông Nguyễn Thành L, bà Phan Kim L trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00231/QSDD/450402 ngày 30-8-1006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03046 ngày 10-12-2008 do Ủy ban nhân dân Huyện DMC cấp cho bà Nguyễn Thị Ph.

Ông L, bà L có trách nhiệm L hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo diện tích, tứ cận nêu trên.

Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông L tự nguyện chịu 36.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Ghi nhận bà Ph tự nguyện chịu 16.000.000 đồng

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà Ph rút một phần kháng cáo về việc buộc anh S mất cọc số tiền 200.000.000 đồng đề nghị đình chỉ xét xử một phần kháng cáo của bà Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả thỏa thuận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bà Nguyễn Thị Ph, ông Nguyễn Văn L, bà Phan Kim L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, thỏa thuận được chi phí tố tụng và án phí. Sự thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[1.1] Cho lưu thông Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Ph đối với các thửa đất có diện tích 4.188,4m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4 và diện tích 2.260 m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4.

[1.2] Ông Nguyễn Thành L, bà Phan Kim L trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

[1.3] Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00231/QSDD/450402 ngày 30-8-1006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03046 ngày 10-12-2008 do Ủy ban nhân dân Huyện DMC cấp cho bà Nguyễn Thị Ph.

[1.4] Ông L, bà L có trách nhiệm L hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo diện tích, tứ cận nêu trên.

[1.5] Về chi phí tố tụng: Ông L tự nguyện chịu 36.000.000 đồng.

[1.6] Về án phí sơ thẩm: Bà Ph tự nguyện chịu 16.000.000 đồng.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ph chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng. Ghi nhận bà Ph đã nộp xong.

[3] Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Ph về việc buộc anh S mất cọc số tiền 200.000.000 đồng.

[4] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa đề nghị sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 3; Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4, 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2020/DS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh.

1.1 Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn L, bà Phan Kim L và bà Nguyễn Thị Ph tại phiên tòa phúc thẩm, cụ thể như sau:

Cho lưu thông Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (theo Bản Hợp đồng về việc mua bán đất lập ngày 30-02-2010 âm lịch) giữa ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị Ph đối với các thửa đất:

- Diện tích 4.188,4m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:

- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H;
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Tây giáp đất ông Nguyễn Văn H.

- Diện tích 2.260 m² thuộc một phần thửa 154 tờ bản đồ số 4, có tứ cận:

- + Bắc giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Nam giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Đông giáp đất ông Nguyễn Thành L;
- + Tây giáp đất đường xe. (Bản đồ 299)

(Kèm theo sơ đồ hiện trạng)

Ông Nguyễn Thành L, bà Phan Kim L trả cho bà Nguyễn Thị Ph số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00231/QSDD/450402 ngày 30-8-1006 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H03046 ngày 10-12-2008 do Ủy ban nhân dân Huyện DMC cấp cho bà Nguyễn Thị Ph.

Ông L, bà L có trách nhiệm L hệ cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo diện tích, tứ cận nêu trên.

1.2. Đình chỉ một phần kháng cáo của bà Ph về việc buộc anh S mất cọc số tiền 200.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Nguyễn Văn S đối với bà Nguyễn Thị Ph về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”

Buộc bà Nguyễn Thị Ph có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Văn S, chị Vũ Thị Thanh Ng số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

Không chấp nhận yêu cầu phạt cọc 200.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn S.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn văn S đối với yêu cầu phạt cọc số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

1.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4 Về chi phí tố tụng: Ghi nhận ông L tự nguyện chịu 36.000.000 đồng.

1.5 Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Ph chịu 40.600.000 đồng.

Anh S chịu 10.300.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 27.300.000 đồng theo biên lai thu số 0004990 ngày 07-9-2020 và biên lai thu số 0004992 ngày 08-9-2020 của Chi cục Thi hành án Huyện DMC, tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho anh S số tiền 17.000.000 đồng.

Ông L không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0004352 ngày 24-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ph phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005228 ngày 03-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện DMC. Ghi nhận bà Ph đã nộp xong

3. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND H. DMC;
- Chi cục H. DMC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phan Thị Mai Dung

